TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **86**/2023/DS-ST
Ngày: 07/4/2023
V/v *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thiền

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Võ Văn Thống

+ Ông Nguyễn Văn Cường

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Bùi Hồng Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐXXST- DS ngày 17 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2023/QĐST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị L, sinh năm xxxx.

Địa chỉ: Khu phố HT2, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Trần Quang V, sinh năm xxxx. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp GM, xã BA, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Trần Công T, sinh năm xxxx. (vắng mặt không lý do)

Địa chỉ: Ấp LG, xã TH, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 23/12/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và đại diện ủy quyền của nguyên đơn là anh Trần Quang V trình bày:***

Khoảng tháng 7 năm 2022, bà L có cho anh T vay số tiền 30.000.000 đồng. Anh T có viết biên nhận nợ và hẹn đến ngày 06/12/2022 sẽ trả vốn và lãi nhưng đến hạn anh T

không trả nên bà L khởi kiện. Nay bà L yêu cầu anh T trả số nợ vốn đã vay và tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 10%/năm, T từ ngày 07/12/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 07/4/2023 với số tiền là 1.004.000 đồng. Thực hiện trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì khác.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Công T không đến Tòa án theo giấy triệu tập, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định.*

* ***Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:***

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp hợp đồng vay tài sản cần được xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt không lý do dù đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhận thấy:

- Quá trình giải quyết vụ án, anh T vắng mặt không lý do dù đã được triệu tập hợp lệ và cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đối chiếu với quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự xem như anh từ bỏ quyền chứng minh và mặc nhiên thừa nhận tình tiết và chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp. Căn cứ vào chứng cứ do bà L cung cấp là biên nhận nợ do anh T viết và ký tên có nội dung là anh T có vay của bà L số tiền 30.000.000 đồng và hẹn đến ngày 06/12/2022 sẽ trả nhưng đến nay chưa trả, do anh T vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên bà L kiện đòi là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

- Về tiền lãi: Do anh T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên phải nghĩa vụ thanh toán tiền lãi chậm trả cho bà L theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468

Bộ luật Dân sự năm 2015 với mức lãi suất 10%/năm, T từ ngày 07/12/2022 đến ngày 07/4/2023 với số tiền là: 30.000.000 đồng x 10%/năm x 04 tháng = 1.004.000 đồng.

- Về thời hạn trả: Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên cần buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán nợ cho nguyên đơn ngay khi án có hiệu lực pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí là 1.550.200 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: - *Khoản 2 Điều 357 và các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;*

- *Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;*

- *Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L. Buộc anh Trần Công T có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền vốn vay còn nợ là 30.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 1.004.000 đồng, tổng cộng là 31.004.000 đồng. Thực hiện trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.550.200 đồng.

- Hoàn lại bà L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 753.000 đồng theo biên lai thu số 0028425 ngày 04/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được T kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện G;
- CC.THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bích Thiền